MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 17

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN
Khu công nghiệp Nhơn Trạch III, huyện Nhơn Trạch,
tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Mạnh Hiền	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Dũng	Ủy viên
Ông Phạm Xuân Bách	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Ủy viên
Ông Trần Đức Trương	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 11/4/2012)
Ông Lê Ngọc Dũng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 11/4/2012)

Ban Giám đốc

Ông Trần Ngọc Dũng	Giám đốc
Ông Trần Thanh Tùng	Phó Giám đốc
Ông Trần Ngọc Tôn	Phó Giám đốc
Ông Trần Xuân Chiến	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Trần Ngọc Dũng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 4, 168 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 04.3577.0781; Fax: 04 3577.0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Số: 002 */VACO/BCKT.NV2*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14/01/2013, từ trang 03 đến trang 17. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

M.S.D.N: 0102546856 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VACO - Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Bùi Văn Ngọc
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Lê Xuân Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	**100**		**251.951.065.600**	**286.594.451.674**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**233.124.615.672**	**203.156.874.536**
1. Tiền	111		2.224.615.672	2.356.874.536
2. Các khoản tương đương tiền	112		230.900.000.000	200.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**14.164.431.552**	**80.000.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	14.164.431.552	80.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**4.221.837.576**	**2.538.386.211**
1. Phải thu khách hàng	131		643.104.000	381.144.500
2. Trả trước cho người bán	132		771.919.736	526.602.120
3. Các khoản phải thu khác	135	6	2.806.813.840	1.630.639.591
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**440.180.800**	**899.190.927**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		288.868.341	844.705.927
2. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		32.827.459	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	118.485.000	54.485.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250)	**200**		**216.261.655.816**	**184.755.126.066**
I. Tài sản cố định	**220**		**208.261.655.816**	**176.755.126.066**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.652.988.458	5.561.160.416
- Nguyên giá	*222*		*10.828.337.964*	*9.969.789.774*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(6.175.349.506)*	*(4.408.629.358)*
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	*228*		*41.733.000*	*41.733.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(41.733.000)*	*(41.733.000)*
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	203.608.667.358	171.193.965.650
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**8.000.000.000**	**8.000.000.000**
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	8.000.000.000	8.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**468.212.721.416**	**471.349.577.740**

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	**300**		**18.421.179.747**	**19.945.975.334**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**18.421.179.747**	**19.945.975.334**
1. Phải trả người bán	312		1.391.222.120	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	293.196.860	1.560.400.813
3. Phải trả người lao động	315		-	3.584.152.172
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	14.164.431.552	13.345.884.000
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	13	2.572.329.215	1.455.538.349
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**	14	**449.791.541.669**	**451.403.602.406**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**449.791.541.669**	**451.403.602.406**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		440.000.000.000	440.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		7.644.654.711	4.363.547.072
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.370.899.287	792.371.227
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		685.449.643	396.185.613
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		90.538.028	5.851.498.494
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**468.212.721.416**	**471.349.577.740**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
1. Ngoại tệ các loại (USD)	401,11	411,69

M.S.D.N: 3601010336 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN
T. NHƠN TRẠCH - T. ĐỒNG NAI

Trần Ngọc Dũng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2013

Đào Minh Tùng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**15**	**11.113.813.130**	**12.959.318.796**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**11.113.813.130**	**12.959.318.796**
4. Giá vốn hàng bán	11	16	10.973.224.287	11.822.376.075
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**140.588.843**	**1.136.942.721**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	28.974.806.974	45.116.318.638
7. Chi phí bán hàng	24		170.471.705	194.766.375
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.862.490.680	38.977.451.951
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (24 + 25)}	**30**		**82.433.432**	**7.081.043.033**
10. Thu nhập khác	31		12.200.000	29.105.216
11. Chi phí khác	32		12.124.185	32.033.098
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		75.815	(2.927.882)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**82.509.247**	**7.078.115.151**
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	58.189.118	1.292.834.556
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	**60**		**24.320.129**	**5.785.280.595**
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	1	131

M.S.D.N: 3601010336 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN
H. NHƠN TRẠCH - T. ĐỒNG NAI

Trần Ngọc Dũng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2013

Đào Minh Tùng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*	*82.509.247*	*7.078.115.151*
2. Điều chỉnh cho các khoản:		*(27.208.086.826)*	*(43.406.535.573)*
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.766.720.148	1.709.783.065
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(28.974.806.974)	(45.116.318.638)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	*08*	*(27.125.577.579)*	*(36.328.420.422)*
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(15.439.530)	2.310.396.599
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả	11	(2.158.918.647)	15.782.605.284
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.350.742.183)	(881.462.552)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(519.590.000)	(570.120.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*	*(31.170.267.939)*	*(19.687.001.091)*
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(32.496.192.098)	(125.386.763.084)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(27.510.315.552)	(80.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	93.345.884.000	230.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay	27	27.798.632.725	45.409.207.529
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	*61.138.009.075*	*70.022.444.445*
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**29.967.741.136**	**50.335.443.354**
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	**60**	**203.156.874.536**	**152.821.431.182**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**70**	**233.124.615.672**	**203.156.874.536**

M.S.D.N: 3601010336 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN
H. NHƠN TRẠCH - T. ĐỒNG NAI

Trần Ngọc Dũng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2013

Đào Minh Tùng
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000541 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 14/05/2008 và giấy phép điều chỉnh lần 3 số 3601010336 ngày 29/06/2012.

Vốn điều lệ của Công ty là: 440.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2012 là 80 người (tại ngày 31/12/2011: 79 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Đầu tư khai thác phát triển cảng và khu hậu cần; Đầu tư xây dựng và vận hành căn cứ dịch vụ container, kho bãi hàng hóa và các công trình chuyên ngành (hệ thống kho chứa các sản phẩm dầu khí) và các dịch vụ hậu cần; Kinh doanh vận tải biển, vận tải đường thủy và đường bộ, đại lý tàu biển, vận chuyển dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu; Thuê và cho thuê các phương tiện vận tải, thiết bị bốc xếp nâng hạ; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị. Đầu tư nhà ở công nhân viên, nhà làm việc và nhà văn phòng (trong khu vực cảng). Sửa chữa, thi công, lắp đặt trang thiết bị cho công trình dầu khí và phương tiện thủy; Cho thuê trang thiết bị, máy móc, dụng cụ phục vụ cho các ngành công nghiệp; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên liên quan chủ yếu của Công ty như sau:

- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam: góp 57% vốn điều lệ.
- Tổng Công ty Phát triển Khu Công nghiệp: góp 17% vốn điều lệ.
- Công ty Máy và Phụ tùng: góp 11% vốn điều lệ.
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam: góp 11% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao: Công ty sở hữu 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông công nghệ cao.
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương: là đơn vị có góp vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam: là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty thấy rằng không có khoản phải thu nào cần phải xem xét trích lập dự phòng nợ khó đòi trên báo cáo tài chính của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được khấu hao trong vòng 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi và ủy thác quản lý vốn có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng và tài chính có thời hạn trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản vốn góp vào các công ty cổ phần, trong đó Công ty nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ, và các khoản đầu tư khác với thời hạn lớn hơn 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn "Chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng, giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã thực hiện mọi biện pháp cần thiết để thu thập các thông tin liên quan đến các khoản đầu tư tài chính dài hạn để xem xét lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn. Tuy nhiên, không có thông tin về giá giao dịch cổ phiếu, Công ty cũng chưa thu thập được đầy đủ các báo cáo tài chính của các công ty cổ phần mà Công ty có góp vốn. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cũng đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng, giá trị của các khoản đầu tư tài chính dài hạn không bị suy giảm do hầu hết các khoản đầu tư mới đang ở giai đoạn bắt đầu triển khai dự án, các khoản lỗ nếu có là không đáng kể. Vì vậy, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn này.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, Công ty không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31/12/2012 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	10.496.272	19.062.592
Tiền gửi ngân hàng	2.214.119.400	2.337.811.944
Các khoản tương đương tiền	230.900.000.000	200.800.000.000
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tuần	*-*	*2.900.000.000*
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	*-*	*80.000.000.000*
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	*230.900.000.000*	*70.900.000.000*
- Khoản ủy thác vốn có kỳ hạn 3 tháng	*-*	*47.000.000.000*
	233.124.615.672	**203.156.874.536**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn 6 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Các khoản phải thu khác của Công ty là những khoản lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn, chi tiết:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN Chợ Lớn	1.630.700.000	55.144.444
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN Mạc Thị Bưởi	600.000.000	62.222.222
Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Đồng Nai	373.055.556	315.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Sài Gòn	202.500.000	525.000.000
Phải thu khác	558.284	673.272.925
	2.806.813.840	**1.630.639.591**

Đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, Công ty tính lãi dự thu dựa trên lãi suất và thời hạn tính đến ngày 31/12/2012. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng sẽ không rút trước hạn các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, nên Công ty dự thu lãi theo phương pháp trên là hợp lý.

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	54.485.000	54.485.000
Tạm ứng	64.000.000	-
	118.485.000	**54.485.000**

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 31/12/2011	**8.655.483.688**	**1.314.306.086**	**9.969.789.774**
Tăng trong năm	680.430.000	178.118.190	858.548.190
Số dư tại 31/12/2012	**9.335.913.688**	**1.492.424.276**	**10.828.337.964**
HAO MÒN LUỸ KẾ			
Số dư tại 31/12/2011	**3.529.677.246**	**878.952.112**	**4.408.629.358**
Trích khấu hao trong năm	1.519.200.576	247.519.572	1.766.720.148
Số dư tại 31/12/2012	**5.048.877.822**	**1.126.471.684**	**6.175.349.506**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 31/12/2011	**5.125.806.442**	**435.353.974**	**5.561.160.416**
Số dư tại 31/12/2012	**4.287.035.866**	**365.952.592**	**4.652.988.458**

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 858.034.856 VND (năm 2011: 630.115.279 VND).

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	**171.193.965.650**	**47.069.066.579**
Tăng trong năm	32.414.701.708	124.124.899.071
Tại ngày 31 tháng 12	**203.608.667.358**	**171.193.965.650**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	8.000.000.000	8.000.000.000
	8.000.000.000	**8.000.000.000**

Đây là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao với tỷ lệ góp 10% vốn điều lệ. Khoản đầu tư góp vốn nêu trên được góp theo mệnh giá. Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, tại ngày 31/12/2012, các khoản đầu tư này không bị suy giảm về mặt giá trị thị trường với giá gốc của khoản đầu tư, nên không có khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính nào cần trích lập.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.259.725.606
Thuế thu nhập cá nhân	288.067.060	296.615.407
Thuế khác	5.129.800	4.059.800
	293.196.860	**1.560.400.813**

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương	14.164.431.552	13.345.884.000
	14.164.431.552	**13.345.884.000**

Đây là khoản tiền của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương góp vốn để được làm nhà đầu tư thứ cấp triển khai một số hạng mục của Dự án, trong đó 13.345.884.000 đồng là số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với phần diện tích đất 196.507,5m^2 theo phê duyệt của UBND huyện Nhơn Trạch cho các hộ dân bị thu hồi ủy quyền cho Công ty Lan Phương nhận, và 818.547.552 là khoản lãi tiền gửi tương ứng của khoản tiền trên trong năm 2012.

13. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	**1.455.538.349**	**668.474.579**
Tăng quỹ trong năm (i)	1.636.380.866	1.357.183.770
Chi quỹ trong năm	519.590.000	570.120.000
Tại ngày 31 tháng 12	**2.572.329.215**	**1.455.538.349**

Ghi chú: (i) Tăng quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm bao gồm Quỹ khen thưởng phúc lợi 578.528.060 đồng, Quỹ thưởng ban điều hành 57.852.806 đồng và Quỹ quan hệ cộng đồng, từ thiện, hỗ trợ 1.000.000.000 đồng theo Nghị quyết số 69/NQ-PAP ngày 11/04/2012 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2010	**440.000.000.000**	**2.960.674.444**	**467.658.709**	**233.829.354**	**3.280.234.125**	**446.942.396.632**
Lãi trong năm	-	-	-	-	5.785.280.595	5.785.280.595
Phân phối lợi nhuận sau thuế	-	1.402.872.628	324.712.518	162.356.259	(3.247.125.175)	(1.357.183.770)
Điều chỉnh số thuế TNDN phải nộp 2010 theo QT 2008-2010	-	-	-	-	33.108.949	33.108.949
Tại ngày 31/12/2011	**440.000.000.000**	**4.363.547.072**	**792.371.227**	**396.185.613**	**5.851.498.494**	**451.403.602.406**
Lãi trong năm	-	-	-	-	24.320.129	24.320.129
Phân phối lợi nhuận sau thuế (i)	-	3.281.107.639	578.528.060	289.264.030	(5.785.280.595)	(1.636.380.866)
Tại ngày 31/12/2012	**440.000.000.000**	**7.644.654.711**	**1.370.899.287**	**685.449.643**	**90.538.028**	**449.791.541.669**

Ghi chú: (i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 61/NQ-PAP ngày 11/04/2012 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012. Theo Nghị quyết này, lợi nhuận sau thuế năm 2011 của Công ty sẽ được trích Quỹ đầu tư phát triển 578.528.060 đồng, Quỹ dự phòng tài chính 289.264.030 đồng, tăng Vốn khác của chủ sở hữu 3.281.107.639 đồng, Quỹ khen thưởng phúc lợi 578.528.060 đồng, Quỹ thưởng ban điều hành 57.582.806 đồng và Quỹ quan hệ cộng đồng 1.000.000.000 đồng.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000541 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/05/2008, giấy phép điều chỉnh lần 3 số 3601010336 ngày 29/06/2012, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 440.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2012, số vốn các cổ đông đã góp được như sau:

	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2012		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2011	
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	250.000.000.000	57	250.000.000.000	57
Tổng Công ty Phát triển Khu Công nghiệp	75.000.000.000	17	75.000.000.000	17
Công ty Máy và Phụ tùng	50.000.000.000	11	50.000.000.000	11
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	50.000.000.000	11	50.000.000.000	11
Các cổ đông khác	15.000.000.000	3	15.000.000.000	3
	440.000.000.000	**100**	**440.000.000.000**	**100**

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại 31/12/2012:

(1)	Cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập:	
	+ Số cổ phiếu được phép phát hành	*37.500.000 cổ phần*
	+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	*37.500.000 cổ phần*
	+ Mệnh giá của cổ phiếu	*10.000 đồng/cổ phần*
	+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm đầu năm và cuối năm	*37.500.000 cổ phần*
(2)	Cổ phiếu phổ thông của cổ đông khác:	
	+ Số cổ phiếu được phép phát hành	*6.500.000 cổ phần*
	+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	*6.500.000 cổ phần*
	+ Mệnh giá của cổ phiếu	*10.000 đồng/cổ phần*
	+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm đầu năm và cuối năm	*6.500.000 cổ phần*

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng	11.113.813.130	12.959.318.796
	11.113.813.130	**12.959.318.796**

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn bán hàng	10.973.224.287	11.822.376.075
	10.973.224.287	**11.822.376.075**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.477.907.210	2.361.435.567
Chi phí nhân công	17.580.516.508	28.203.600.823
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.766.720.148	1.710.841.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.943.003.018	6.520.237.528
Chi phí khác	264.815.501	376.103.009
	29.032.962.385	**39.172.218.326**

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty gồm có lãi tiền gửi đã thực thu và lãi dự thu tính đến ngày 31/12/2012.

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**82.509.247**	**7.078.115.151**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	250.000.000	309.510.882
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	*250.000.000*	*309.510.882*
Thu nhập chịu thuế	**332.509.247**	**7.387.626.033**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	83.127.312	1.846.906.508
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (*)	24.938.194	554.071.952
	58.189.118	**1.292.834.556**

Ghi chú: (*) Theo Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012. Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm của năm 2012 theo quy định trên.

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.320.129	5.785.280.595
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	44.000.000	44.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1	131
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu		
Tổng Cty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - CN Sài Gòn	3.291.008.333	5.356.944.445
Tổng Cty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - CN HCM	1.659.888.889	2.366.333.331
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	4.844.025.579	11.738.693.300
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Đồng Nai	4.379.787.523	315.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC	279.154.312	748.145.250
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí	-	176.075.000

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản tiền gửi		
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - CN Sài Gòn	-	30.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - CN HCM	-	17.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	30.000.000.000	50.036.729.300
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Đồng Nai	104.164.431.552	30.000.000.000

Thu nhập của Ban Điều hành:

Thu nhập của Ban Điều hành được hưởng trong kỳ như sau:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập của Ban Điều hành	3.119.829.710	3.205.153.092

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.508.077.093	1.388.114.743
	1.508.077.093	**1.388.114.743**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Số tiền thuê văn phòng làm việc tại Nhà Văn phòng KCN Nhơn Trạch 3, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng số 07/HĐ-PAP ngày 25/07/2008 giữa Công ty với Xí nghiệp Dịch vụ và Phát triển Khu Công nghiệp Nhơn Trạch III, Phụ lục hợp đồng số 80/PLHĐ-PAP ngày 19/12/2011 với giá thuê bao gồm VAT là 6.183 USD/tháng, thời hạn 2 năm tính từ năm 2012.

- Số tiền thuê văn phòng tại tòa nhà VCCI, thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng số 64/2010/HĐTVP ngày 28/09/2010 giữa Công ty với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu, giá thuê 432 USD/tháng. Phụ lục hợp đồng ngày 24/09/2012 về việc gia hạn thời hạn thuê từ ngày 01/10/2012 đến hết ngày 30/09/2014.

Ngoài ra, Công ty còn có Hợp đồng thuê đất số 45/HĐTĐ ngày 10/11/2011 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thuê 1.572.896,4 m^2 tại xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai để sử dụng vào mục đích xây dựng và kinh doanh, khai thác cảng Phước An, thời hạn thuê đến hết ngày 21/8/2059, giá thuê đất 1.600 VND/m2/tháng. Hiện tại, Công ty đang được miễn thuế đất đến hết ngày 31/12/2016 theo Quyết định số 13/QĐ-CT ngày 02/11/2012 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai.

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán.

Trần Ngọc Dũng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 14 tháng 01 năm 2013

Đào Minh Tùng
Kế toán trưởng